

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/09/2017**



*Tháng 10 năm 2017*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 – 26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 26

## CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017.

#### TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Từ ngày 01/04/2016 sáp nhập vào xí nghiệp chăn nuôi lợn);
- Nhà máy chế biến phân bón.

Vốn điều lệ: 94.570.660.000 đồng (Chín mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mù cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 21/09/2017)
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên (từ ngày 21/09/2017)
Ông Nguyễn Mậu Hào	Thành viên (từ ngày 21/09/2017)
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên (từ ngày 21/09/2017)
Ông Trần Công Văn	Thành viên (từ ngày 21/09/2017)

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/10/2017)
Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/10/2017)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/08/2016)
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Hào	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/10/2017)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**BAN KIỂM SOÁT**

Ông Lê Hồng Sơn  
Bà Nguyễn Thị Liên  
Bà Võ Thị Thắm

Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 21/09/2017)  
Thành viên (từ ngày 21/09/2017)  
Thành viên (từ ngày 21/09/2017)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Bà Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

---

**Nguyễn Ngọc Sơn**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quảng Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2017



Số 04/2017/TC-AC

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017  
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, được trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/09/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017  
của Công ty Cổ phần Lê Ninh

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chưa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan tới một số giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ chưa được bù trừ doanh thu và giá vốn tương ứng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017 nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017 của Công ty.
- Trong kỳ, Công ty có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ giữa Xí nghiệp Phân bón với văn phòng Công ty. Tại ngày 30/09/2017, Công ty không theo dõi riêng được giá trị vật tư, hàng hóa mua bán nội bộ giữa các đơn vị còn tồn kho hay đã xuất bán cho khách hàng. Công ty tiến hành bù trừ toàn bộ doanh thu – giá vốn tương ứng với giá trị hàng hóa giao dịch mua bán nội bộ. Do bản chất của việc theo dõi giao dịch nội bộ, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định giá trị hàng hóa mua bán nội bộ đã thực tế xuất bán cho khách hàng hay còn đang tồn kho, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính phù hợp và đầy đủ của bút toán bù trừ doanh thu – giá vốn nêu trên đến báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017.
- Năm 2017, Công ty bị thiệt hại nặng nề do cơn bão số 10 gây ra, trong đó vườn cao su kinh doanh bị thiệt hại 20,52 héc ta. Theo số liệu ước tính của Công ty, giá trị còn lại của vườn cây cao su kinh doanh bị thiệt hại là 2.240.894.398 đồng. Công ty ghi nhận giảm nguyên giá tài sản cố định theo giá trị còn lại của vườn cây cao su bị thiệt hại mà không ghi nhận giảm theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Chúng tôi không ước tính được nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của diện tích vườn cây cao su nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về việc ghi nhận giá trị thiệt hại do bão đối với diện tích cao su kinh doanh của Công ty cũng như những ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lê Ninh tại ngày 30/09/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bá An  
Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1645-2013-202-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)**

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Văn Ngọc  
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3410-2015-202-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30/09/2017

**MẪU B 01-DN**  
 ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.171.590.195</b>	<b>20.716.393.607</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.242.658.282</b>	<b>6.128.627.817</b>
1. Tiền	111	V.1	5.282.237.982	443.830.666
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.960.420.300	5.684.797.151
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.428.530.176</b>	<b>1.916.820.471</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	1.936.531.922	1.102.169.186
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	9.050.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	3.491.998.254	789.816.233
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	15.785.052
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>8.447.134.837</b>	<b>12.580.884.347</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.447.134.837	12.580.884.347
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>53.266.900</b>	<b>90.060.972</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.10b	53.266.900	90.060.972
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>155.094.505.868</b>	<b>135.489.378.491</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>232.638.924</b>	<b>344.955.783</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		232.638.924	344.955.783
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.958.312.405</b>	<b>66.101.041.353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	53.417.956.362	65.524.661.574
- Nguyên giá	222		137.530.870.690	147.611.884.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.112.914.328)	(82.087.223.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	540.356.043	576.379.779
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(443.125.728)	(407.101.992)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>99.301.812.564</b>	<b>67.856.693.676</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		99.301.812.564	67.856.693.676
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.601.741.975</b>	<b>1.186.687.679</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.601.741.975	1.186.687.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>178.266.096.063</b>	<b>156.205.772.098</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30/09/2017

**MẪU B 01-DN**  
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.149.228.234</b>	<b>66.740.936.107</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.231.736.234</b>	<b>37.262.744.487</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	5.914.584.396	3.784.477.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.341.069.378	49.978.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	58.816.095	703.082
4. Phải trả người lao động	314		3.257.123.716	2.461.056.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	648.527.974	293.232.675
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	5.118.453.733	1.126.496.979
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	11.893.160.942	23.654.988.422
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	5.891.811.378
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>64.917.492.000</b>	<b>29.478.191.620</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	8.100.000	482.025.520
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	64.909.392.000	28.996.166.100
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>85.116.867.829</b>	<b>89.464.835.991</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>85.116.867.829</b>	<b>89.274.740.823</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.238.467.405	83.894.608.460
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.238.467.405	83.894.608.460
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	3.743.951.311
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	8.617.842.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.121.599.576)	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.121.599.576)	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>190.095.168</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	62.538.172
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	127.556.996
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>178.266.096.063</b>	<b>156.205.772.098</b>



**Nguyễn Ngọc Sơn**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Quảng Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2017

**Hoàng Thị Phương**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Liên**  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

MẪU B 02-DN  
DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	76.841.745.745	42.037.193.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6.588.400	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.835.157.345	42.037.193.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	76.921.108.663	42.041.316.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(85.951.318)	(4.122.778)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	466.734.794	281.902.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.794.852.891	1.201.909.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.794.852.891	1.201.909.175
8. Chi phí bán hàng	25		651.403.477	404.168.045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.436.577.979	2.989.112.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.502.050.871)	(4.317.409.668)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	874.548.924	1.491.861.028
12. Chi phí khác	32	VI.6	494.097.629	4.156.112.990
13. Lợi nhuận khác	40		380.451.295	(2.664.251.962)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.121.599.576)	(6.981.661.630)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.121.599.576)	(6.981.661.630)



Nguyễn Ngọc Sơn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Quảng Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2017

Hoàng Thị Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MẪU B 03-DN**  
DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		74.245.500.860	37.845.065.274
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(40.149.085.740)	(11.949.938.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(41.955.403.157)	(23.243.411.812)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(1.726.266.040)	(1.537.084.115)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		17.366.175.469	2.228.024.692
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(27.289.979.027)	(18.365.400.319)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.509.057.635)</b>	<b>(15.022.744.387)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.563.521.683)	(3.076.946.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.711.784.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(365.965.486)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		245.858.055	1.245.047.181
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		466.734.794	9.966.790
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.505.110.320)</b>	<b>(1.821.932.729)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.976.800.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(742.740.071)
3. Tiền thu từ đi vay	33		83.506.753.247	52.014.020.050
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(59.355.354.827)	(33.914.618.264)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>29.128.198.420</b>	<b>17.356.661.715</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.114.030.465</b>	<b>511.984.599</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.128.627.817</b>	<b>5.616.643.218</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>9.242.658.282</b>	<b>6.128.627.817</b>



Nguyễn Ngọc Sơn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Quảng Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2017

Hoàng Thị Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình (do Nhà nước sở hữu 100% vốn) được chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Từ ngày 01/04/2016 sáp nhập vào xí nghiệp chăn nuôi lợn);
- Nhà máy chế biến phân bón.

Vốn điều lệ: 94.570.660.000 đồng (Chín mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng), được chia thành 9.457.066 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mù cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2017 theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, đây là giai đoạn mà Công ty hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, cụ thể:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2017
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 – 15 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Các khoản chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản. Chi phí đi vay phát sinh sẽ được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hình thành. Chi phí đi vay sẽ được tạm dừng vốn hóa khi quá trình đầu tư, xây dựng tài sản bị gián đoạn không cần thiết. Việc vốn hóa sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Việc xác định các khoản thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	30/09/2017	01/01/2016
Tiền mặt	16.957.741	347.968.717
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.265.280.241	95.861.949
<b>Cộng</b>	<b>5.282.237.982</b>	<b>443.830.666</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	30/09/2017	01/01/2016
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>1.936.531.922</b>	<b>1.102.169.186</b>
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	1.358.470.080	377.760.058
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	92.773.440
- Các khoản phải thu khách hàng khác	171.538.402	317.885.688
<b>b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.936.531.922</b>	<b>1.102.169.186</b>

**3. Phải thu khác**

	30/09/2017		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.491.998.254</b>	-	<b>789.816.233</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	-	-	-
- Phải thu tạm ứng người lao động	793.608.796	-	173.121.400	-
- Ký cược, ký quỹ	6.060.010	-	9.500.000	-
- Phải thu kinh phí giải quyết lao động dôi dư khi cổ phần hóa	1.300.340.037	-	-	-
- Phải thu khác	891.989.411	-	607.194.833	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.491.998.254</b>	-	<b>789.816.233</b>	-

**4. Hàng tồn kho**

	30/09/2017		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	773.582.935	-	1.144.572.451	-
Công cụ, dụng cụ	263.820.537	-	225.722.314	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.505.295.601	-	4.556.257.798	-
Thành phẩm	4.904.435.764	-	6.654.331.784	-
<b>Cộng</b>	<b>8.447.134.837</b>	-	<b>12.580.884.347</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MẪU B 09-DN****5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2016	68.452.325.948	19.104.179.627	3.764.674.508	607.119.545	55.547.634.366	135.950.800	147.611.884.794
- Mua trong năm	-	32.727.273	-	-	1.055.111.805	-	1.087.839.078
- Đầu tư XDCB hoàn	-	-	-	-	6.651.212.559	-	6.651.212.559
- Thanh lý, nhượng bán	(6.560.261.560)	-	-	(77.965.000)	(11.181.839.181)	-	(17.820.065.741)
Tại ngày 30/09/2017	61.892.064.388	19.136.906.900	3.764.674.508	529.154.545	52.072.119.549	135.950.800	137.530.870.690
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2016	30.415.479.742	11.030.845.045	1.796.995.588	355.067.455	38.393.669.830	95.165.560	82.087.223.220
- Khấu hao trong năm	5.782.871.063	2.076.029.466	660.485.606	140.803.550	2.594.976.156	27.190.164	11.282.356.005
- Thanh lý, nhượng bán	(1.044.445.189)	-	-	(76.479.964)	(8.135.739.744)	-	(9.256.664.897)
Tại ngày 30/09/2017	35.153.905.616	13.106.874.511	2.457.481.194	419.391.041	32.852.906.242	122.355.724	84.112.914.328
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2016	38.036.846.206	8.073.334.582	1.967.678.920	252.052.090	17.153.964.536	40.785.240	65.524.661.574
Tại ngày 30/09/2017	26.738.158.772	6.030.032.389	1.307.193.314	109.763.504	19.219.213.307	13.595.076	53.417.956.362

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2017 là 11.616.831.504 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MẪU B 09-DN****6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIA</b>				
Tại ngày 01/01/2016	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Tại ngày 30/09/2017	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	113.217.457	167.520.900	126.363.635	407.101.992
- Khấu hao trong năm	36.023.736	-	-	36.023.736
Tại ngày 30/09/2017	149.241.193	167.520.900	126.363.635	443.125.728
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	576.379.779	-	-	576.379.779
Tại ngày 30/09/2017	540.356.043	-	-	540.356.043

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng đến 30/09/2017 là 293.884.535 đồng.

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

Toàn bộ giá trị tài sản dở dang dài hạn tại ngày 30/09/2017 là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

Toàn bộ chi phí trả trước dài hạn tại ngày 30/09/2017 là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MẪU B 09-DN****9. Phải trả người bán**

	30/09/2017		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>5.914.584.396</b>	<b>5.914.584.396</b>	<b>3.784.477.135</b>	<b>3.784.477.135</b>
- Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	3.002.352.500	3.002.352.500	726.695.000	726.695.000
- Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	210.201.399	210.201.399	1.145.929.062	1.145.929.062
- Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiểu Điền	-	-	298.376.000	298.376.000
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	885.600.000	885.600.000	-	-
- Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị	157.250.000	157.250.000	-	-
- Các khoản phải trả khác	1.659.180.497	1.659.180.497	1.613.477.073	1.613.477.073
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.914.584.396</b>	<b>5.914.584.396</b>	<b>3.784.477.135</b>	<b>3.784.477.135</b>

**10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Phải nộp trong năm	Đã thực nộp trong năm	30/09/2017
	<b>a. Phải nộp</b>	<b>703.082</b>	<b>3.229.167.989</b>	<b>3.171.054.976</b>
- Thuế GTGT	-	2.789.108.127	2.789.108.127	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	703.082	64.359.094	44.885.811	20.176.365
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	325.867.712	287.977.982	37.889.730
- Thuế tài nguyên	-	38.833.056	38.083.056	750.000
- Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
<b>b. Phải thu</b>	<b>90.060.972</b>	<b>36.794.072</b>	<b>-</b>	<b>53.266.900</b>
- Thuế GTGT	52.476.787	36.794.072	-	15.682.715
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.584.185	-	-	37.584.185

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÀU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Chi phí phải trả**

	30/09/2017	01/01/2016
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>648.527.974</b>	<b>293.232.675</b>
- Chi phí lãi vay ngân hàng	278.379.369	164.644.873
- Chi phí tưới nước phân	350.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	20.148.605	128.587.802
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>648.527.974</b>	<b>293.232.675</b>

**12. Phải trả khác**

	30/09/2017	01/01/2016
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.118.453.733</b>	<b>1.126.496.979</b>
- Kinh phí công đoàn	144.614.675	440.841.120
- Bảo hiểm xã hội	1.240.240.812	-
- Bảo hiểm y tế	277.809.743	-
- Phải trả kinh phí giải quyết lao động dôi dư khi cổ phần hóa	1.300.340.037	-
- Phải trả tài sản chờ thanh lý khi cổ phần hóa	1.265.719.346	-
- Các khoản phải trả khác	889.729.120	685.655.859
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.100.000</b>	<b>482.025.520</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.100.000	51.100.000
- Các khoản phải trả khác	-	430.925.520
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MẪU B 09-DN****13. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/09/2017		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>11.893.160.942</b>	<b>11.893.160.942</b>	<b>44.969.274.747</b>	<b>56.731.102.227</b>	<b>23.654.988.422</b>	<b>23.654.988.422</b>
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i)	11.893.160.942	11.893.160.942	44.969.274.747	56.731.102.227	23.654.988.422	23.654.988.422
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>64.909.392.000</b>	<b>63.359.587.000</b>	<b>21.987.673.500</b>	<b>1.899.362.600</b>	<b>28.996.166.100</b>	<b>28.996.166.100</b>
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	16.549.805.000	15.000.000.000	16.549.805.000	724.890.000	724.890.000	724.890.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	47.900.000.000	47.900.000.000	21.900.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000
- Vay cá nhân (iv)	-	-	87.673.500	1.899.362.600	1.811.689.100	1.811.689.100
<b>Cộng</b>	<b>76.802.552.942</b>	<b>75.252.747.942</b>	<b>83.506.753.247</b>	<b>59.355.354.827</b>	<b>52.651.154.522</b>	<b>52.651.154.522</b>

- (i) Đây là các khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2016/HĐTD ngày 19/02/2016. Hợp đồng 19/2016/HĐTD kế thừa số dư của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 369/2014/HĐTD ngày 19/08/2014 và phụ lục sửa đổi bổ sung số 369/2015/HĐBS ngày 20/08/2015, chi tiết hợp đồng:
- Tổng mức cấp tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
  - Dư nợ cho vay, số dư bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 369/2014/HĐTD ngày 19/08/2014 chuyển qua;
  - Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 19/02/2016 đến ngày 19/02/2017;
  - Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, dịch vụ và chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh.
  - Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng là 7%/năm; Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22/12/2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình theo đó:

- Số tiền cho vay tối đa: 32.333.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng chẵn);
  - Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su theo dự án Chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
  - Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày 01/09/2016 đến hết ngày 01/09/2026;
  - Trả nợ gốc : 6 tháng/ lần;
  - Lãi suất cho vay: Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng này là 8,7%/ năm. Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- (iii) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo khế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 22/08/2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602,79 triệu đồng;
  - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28/04/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.
  - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo khế ước nhận nợ từng lần;
  - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.
- (iv) Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**MÀU B 09-DN****14. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của Chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	<b>83.894.608.460</b>	<b>3.743.951.311</b>	<b>8.617.842.682</b>	<b>(6.981.661.630)</b>	<b>89.274.740.823</b>
Tăng vốn trong giai đoạn	4.973.400.000	-	-	-	4.973.400.000
Lỗ trong giai đoạn	-	-	-	(8.121.599.576)	(8.121.599.576)
Tăng khác	5.570.227.531	-	-	6.981.661.630	12.551.889.161
Giảm khác	(1.199.768.586)	(3.743.951.311)	(8.617.842.682)	-	(13.561.562.579)
Tại ngày 30/09/2017	<b>93.238.467.405</b>	-	-	<b>(8.121.599.576)</b>	<b>85.116.867.829</b>

Vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2016 được xác định theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình tại thời điểm 31/12/2015 và Quyết định số 583/QĐ – UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.

Tăng vốn trong giai đoạn của “Vốn góp của chủ sở hữu” là giá trị vốn chủ sở hữu phát hành thêm, bán ưu đãi cho cán bộ, công nhân viên tại Công ty.

Tăng khác của “Vốn góp của chủ sở hữu” và các khoản giảm khác của “Chênh lệch đánh giá lại tài sản”, “Quỹ đầu tư phát triển”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” là việc điều chỉnh nguồn vốn khác về vốn góp của chủ sở hữu khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

Giảm khác của “Vốn góp của chủ sở hữu” là giá trị tài sản chờ thanh lý phải chuyển trả cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo Quyết định 583/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
a. Doanh thu	76.841.745.745	42.037.193.909
- Doanh thu bán thành phẩm	76.426.700.681	41.831.590.775
- Doanh thu hoạt động khác	415.045.064	205.603.134
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
2. Giá vốn hàng bán	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
Giá vốn thành phẩm đã bán	76.759.237.086	41.603.421.568
Giá vốn hoạt động khác	161.871.577	437.895.119
Cộng	76.921.108.663	42.041.316.687
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	466.734.794	281.902.498
Cộng	466.734.794	281.902.498
4. Chi phí tài chính	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
Lãi tiền vay	1.794.852.891	1.201.909.175
Cộng	1.794.852.891	1.201.909.175
5. Thu nhập khác	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến 30/09/2017	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	-	552.503.366
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	829.830.190
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	277.326.824
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	-	6.023.000
Các khoản thu nhập khác	874.548.924	933.334.662
Cộng	874.548.924	1.491.861.028



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. Chi phí khác**

	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến	Năm 2015
	30/09/2017	
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	387.158.797	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	5.192.530.909	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	5.579.689.706	-
Giá trị thiệt hại của vườn cây cao su (*)	-	3.332.629.102
Các khoản chi phí khác	106.938.832	823.483.888
<b>Cộng</b>	<b>494.097.629</b>	<b>4.156.112.990</b>

(\*) Đây là Giá trị của vườn cây cao su thiệt hại do bão số 10 năm 2013 gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình sau khi xem xét đã có văn bản số 2906/STC-TCĐN ngày 29/10/2014 cho phép xử lý dần thiệt hại vào kết quả vào kết quả các năm sau. Đơn vị xử lý làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015.

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn từ	
	01/01/2016 đến	Năm 2015
	30/09/2017	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.597.191.390	13.756.984.018
Chi phí nhân công	31.526.096.633	19.592.696.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.220.722.428	5.721.111.110
Chi phí bằng tiền khác	6.097.780.868	3.706.170.711
<b>Cộng</b>	<b>100.441.791.319</b>	<b>42.776.962.801</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế và được điều chỉnh theo kết quả xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2015 và Quyết định số 583/QĐ – UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình. Chi tiết số liệu theo bảng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÀU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Bảng cân đối kế toán:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo kiểm toán 2015	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>24.049.022.709</b>	<b>20.716.393.607</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.249.449.573</b>	<b>1.916.820.471</b>
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	3.348.414.154	15.785.052
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>131.745.427.180</b>	<b>135.489.378.491</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>55.716.393.403</b>	<b>66.101.041.353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	55.140.013.624	65.524.661.574
- Nguyên giá	222	141.030.747.464	147.611.884.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(85.890.733.840)	(82.087.223.220)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>74.497.390.315</b>	<b>67.856.693.676</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	74.497.390.315	67.856.693.676
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>155.794.449.889</b>	<b>156.205.772.098</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Báo cáo kiểm toán 2015	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>66.740.936.107</b>	<b>66.740.936.107</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>88.863.418.614</b>	<b>89.464.835.991</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>88.863.418.614</b>	<b>89.274.740.823</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	83.894.608.461	83.894.608.460
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	3.743.951.311
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.617.842.681	8.617.842.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421 a	(3.649.032.528)	(6.981.661.630)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>155.604.354.721</b>	<b>156.205.772.098</b>